

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN X  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/DS-ST  
Ngày 8-01-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Văn Hiệp

Bà Nguyễn Hồng Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 8 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 270/2023/TLST-DS ngày 26-10-2023 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2023/QĐXXST-DS ngày 30-11-2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Mai C; địa chỉ liên hệ: Ấp S, xã P, huyện X, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo văn bản uỷ quyền đề ngày 26-5-2023 (có mặt)

**- Bị đơn:**

+ Ông Nguyễn Văn U; địa chỉ nơi cư trú: Ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

+ Bà Ngô Thuý L; địa chỉ nơi cư trú: Ấp N, xã N, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ hiện trú: Ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-5-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Quang S có người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền trình bày cho rằng năm 2020 ông Trần Quang S có bán thức ăn và thuốc thú y sản cho vợ chồng ông Nguyễn Văn U, bà Ngô Thuý L, thoả thuận mua bán

lời nói. Đến ngày 22-02-2022 thì lập hợp đồng mua bán văn bản cùng nội dung thoả thuận trên; bên cạnh đó, các bên giao dịch thông qua các sổ giao nhận hàng hoá tên “Anh Út Tưng” và mỗi lần giao hàng thì ông U hoặc bà L đều ký xác nhận. Cụ thể mua bán từ năm 2020, theo đó bên ông S bán thức ăn và thuốc thủy sản cho vợ chồng ông Út, bà L là nhân viên sẽ giao hàng chở tận nơi hoặc vợ chồng ông Út, bà L (hoặc người nhà) đến kho của ông S lấy hàng. Cuối vụ thu hoạch thì vợ chồng ông Út, bà L phải thanh toán tiền hàng cho ông S. Mua bán hai bên kiểm tra và ký bản đối chiếu công nợ khi có yêu cầu. Nếu công nợ cao mà vợ chồng ông Út, bà L vẫn không thanh toán tiền hàng thì ông S có quyền cắt hàng và đề nghị thanh toán tiền hàng, thời điểm cắt hàng được xem là chấm dứt giao dịch. Hai bên thực hiện hợp đồng mua bán thì vợ chồng ông Út, bà L đã nợ tiền mua là 61.174.000 đồng nhưng không trả, mặc dù ông S đã nhiều lần cho nhân viên đến yêu cầu trả tiền hàng nhưng vợ chồng ông U, bà L vẫn không trả. Nay ông S yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn U, bà Ngô Thuý L trả cho ông Trần Quang S số tiền nợ gốc 61.174.000 đồng và phải thanh toán một lần khi Bản án/Quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30-11-2023, bị đơn bà Ngô Thuý L trình bày bà cùng chồng tên Nguyễn Văn U hiện đang sinh sống tại Ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; liên quan đến việc ông Trần Quang S – Hộ kinh doanh T khởi kiện vợ chồng bà đòi tiền nợ thức ăn tôm chột nợ số tiền 61.174.000 đồng nhưng do vợ chồng bà gặp khó khăn về kinh tế nên không thể trả một lần hết số tiền này, khi nào có tiền thì vợ chồng bà mới trả nợ được; mong Toà án xem xét cho vợ chồng bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gửi đến Toà án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các bị đơn vắng mặt không có lý do; các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, các bị đơn vắng mặt chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn trả tiền nợ mua bán thức ăn tôm là 61.174.000 đồng; tuyên án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S là tranh chấp dân sự về “hợp đồng mua bán” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 430 Bộ luật Dân sự; bị đơn ông Nguyễn Văn U và bà Ngô Thuý L hiện cư

trú Ấp H, xã G, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có người đại diện tham gia phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt các bị đơn.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà L thừa nhận hiện vợ chồng bà còn nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm của ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T chót nợ số tiền 61.174.000 đồng nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên không có khả năng trả một lần hết số tiền nợ trên; ông U đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng thông báo về nội dung, yêu cầu khởi kiện của ông S đối với vợ chồng ông nhưng tại phiên tòa ông U vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối gửi đến Tòa án. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các bị đơn về đòi nợ tiền mua bán thức ăn số tiền 61.174.000 đồng theo Hợp đồng mua bán đề ngày 22-02-2022. Thấy rằng, các bên tự nguyện giao dịch hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và các bị đơn đã nhận thức ăn nuôi tôm từ nguyên đơn chót nợ số tiền 61.174.000 đồng như đã phân tích ở đoạn [2] nhưng vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng hoá theo thoả thuận tại Điều 2 Hợp đồng mua bán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu các bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền nợ trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[5] Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn U và bà Ngô Thuý L có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T số tiền 61.174.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi một triệu, một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

## 2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Văn U và bà Ngô Thuý L có nghĩa vụ liên đới chịu 3.058.700 đồng (bằng chữ: Ba triệu, không trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm đồng).

- Ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho ông Trần Quang S- Chủ Hộ kinh doanh T số tiền tạm ứng án phí 1.529.350 đồng (bằng chữ: Một triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm năm mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00010372 ngày 23-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kim Nhân**